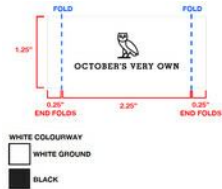
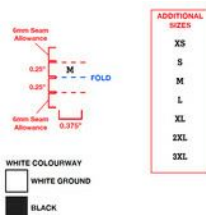
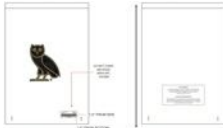
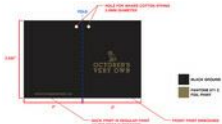
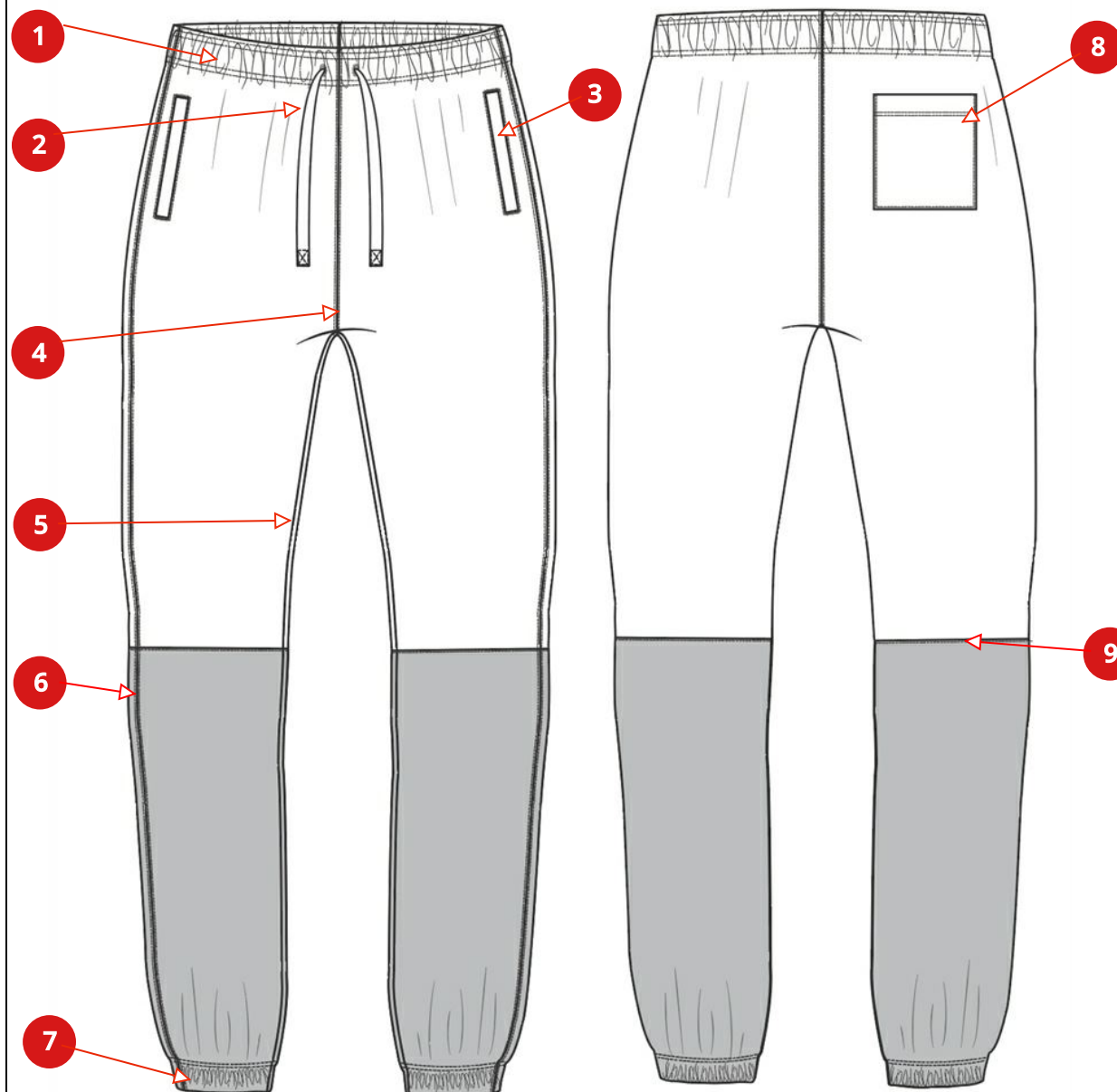


Bill of Material											Version 1		
	Article Code	C-0325-KB-6196						Product Group	BOTTOM				
	Article Name	OVO X ALPHA INDUSTRIES GD PANT						Product Sub-Category	PANT - SWEATPANT				
	Created On	10/23/24 10:19:07 AM	Material Description	UA BRUSHED FLEECE 100% COTTON 350GSM (FB-K1191) PIGMENT DYE ACID WASH				Season	2025 Fall				
	Last Modified	12/05/24 8:54:48 AM						Life Cycle Stage	Development				
Part	Material		Placement		Qty.	UOM.	Comments	Supplier	Supplier Ref.		BLN BLUE NIGHTS		BUO BURNT OLIVE
Fabric													
BODY	UA BRUSHED FLEECE 100% COTTON 350GSM (FB-K1191) PIGMENT DYE ACID WASH		BODY		0	Meter	GARMENT DYED, CM30+CM10 61/309 WITH ENZYME	Vendor Sourced	DEVPGA W001		None		None
	100% NYLON SOLID, 126GSM (FB-W1325)		BOTTOM LEG PANELS		0	Meter	BLACK ON ALL COLOURWAYS	Vendor Sourced	LX-JN23309		None		None
Trims													
BACK NECK	OVO 2023 One Side Main Label (TR-LT247) RECA REF: LBOVO172		CENTRED INSIDE BACK NECK, 1/2" DOWN FROM NECK SEAM *PATCH NOT REQUIRED		1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	LBOVO172		None		None
BACK NECK	OVO 2023 Alpha Sizing Tab (TR-LT246) ARTICLE: OVOW23_181_T/ LBOVO175		CENTRED & STITCHED TO BOTTOM OF MAIN LABEL		1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	LBOVO175		None		None
BACK NECK	TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T (LT138) COUNTRY OF ORIGIN TAB		TACKED INSIDE BACK NECK SEAM *REMOVABLE*		1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	OVOF21_217_T		None		None
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP (TR-TV140) FOR HANGTAG ATTACHMENT		HANGTAG ATTACHMENT		1	Each		Vendor Sourced			None		None
	POLY BAG - GENERIC (PK101) Clear Plastic, with suffocation warning on back, UPC sticker placement on bottom right corner of bag.				1	Each	VENDOR SOURCED	Vendor Sourced			None		None
	UPC STICKER- 1" X 2.5" (TR-ST114) PLEASE PRINT WITH THERMAL PRINTER		1. INSIDE HANGTAG 2. ON POLYBAG		2	Each					None		None
	OVO 2023 Booklet Hangtag (TR-HG142) Article code: HTOVO141A				1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	HTOVO141A		None		None
	GARMENT DYE HANG TAG (HG121) REF# OVOF22_060_T				1	Each		Laven Industries Ltd.	OVOF22_060_T		None		None
	ELASTIC PRESHRUNK (EC116) PLS REFER TO MEASUREMENT CHARTS FOR WIDTH SIZE		WB+ LEG OPENING		3	Each		Vendor Sourced			None		None

Bill of Material												Version 1	
	Article Code	C-0325-KB-6196						Product Group	BOTTOM				
	Article Name	OVO X ALPHA INDUSTRIES GD PANT						Product Sub-Category	PANT - SWEATPANT				
	Created On	10/23/24 10:19:07 AM	Material Description	UA BRUSHED FLEECE 100% COTTON 350GSM (FB-K1191) PIGMENT DYE ACID WASH				Season	2025 Fall				
	Last Modified	12/05/24 8:54:48 AM						Life Cycle Stage	Development				
Part	Material		Placement		Qty.	UOM.	Comments	Supplier	Supplier Ref.		BLN BLUE NIGHTS		BUO BURNT OLIVE
	DRAWCORD - FLAT - COTTON - 1/2" W (DR126) 1/2" W 100% COTTON FLAT HERRINGBONE TWILL PATTERN, DOUBLE FOLD BACK BARTACK ENDS * IN DEVELOPMENT *		EXTERIOR AT WB		0	Each	DTM- DOUBLE FOLDED, BOX STITCHED ENDS	Vendor Sourced			DYED TO MATCH BODY DTMB		DYED TO MATCH BODY DTMB
	BUTTON HOLE HIGH STITCH COUNT (BB105)		EXTERIOR AT WB		0	Each	DTM	Vendor Sourced			None		None

Material Image Sheet							Version 1
	Article Code	C-0325-KB-6196			Product Group	BOTTOM	
	Article Name	OVO X ALPHA INDUSTRIES GD PANT			Product Sub-Category	PANT - SWEATPANT	
	Created On	10/23/24 10:19:07 AM			Season	2025 Fall	
	Last Modified	12/05/24 8:54:48 AM			Life Cycle Stage	DeveIopment	
							
FB-K1191 UA BRUSHED FLEECE 100% COTTON 350GSM		TR-LT247 OVO 2023 One Side Main Label		TR-LT246 OVO 2023 Alpha Sizing Tab		LT138 TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T	
							
TR-TV140 5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP		PK101 POLY BAG - GENERIC					
							
TR-ST114 UPC STICKER- 1" X 2.5"		TR-HG142 OVO 2023 Booklet Hangtag		HG121 GARMENT DYE HANG TAG			

	Article Code	C-0325-KB-6196	
	Article Name	OVO X ALPHA INDUSTRIES GD PANT	
	Created On	10/23/24 10:19:07 AM	
	Last Modified	12/05/24 8:54:48 AM	
		Material Description	UA BRUSHED FLEECE 100% COTTON 350GSM (FB-K1191) PIGMENT DYE ACID WASH
		Product Group	BOTTOM
		Product Sub-Category	PANT - SWEATPANT
		Season	2025 Fall
		Life Cycle Stage	Development

QUY CÁCH MAY**Comments**

- 1 WAISTBAND:
SELF TURNED WITH ENCASED ELASTIC
MOCK SAFETY SERGE, 512 TO CATCH ELASTIC AT WB
EDGE. 2N COVERSTITCH TOPSTITCH AT TOP AND
BOTTOM OF WB, , 1/4" SPACING.

Lưng quần

Lưng liền vắt sổ cặp thun vào thân. Điều 2K
1/4" ở cạnh trên và dưới của lưng thun

- 2 DRAWCORD:
DRAWCORD ENDS: DOUBLE TURN 3/4", "X" BOX STITCH
BUTTONHOLE PLACEMENT: CENTER BUTTONHOLES ON
EXTERIOR WAISTBAND, 2" BETWEEN

Dây luồn

Đầu dây luồn gấp 2 lần 3/4" chốt bằng đường điều hộp
chữ X

Vị trí khuy của dây luồn: giữa lưng quần, cách nhau 2"

- 3 FRONT POCKETS:
SELF WELT POCKET, FUSED WITH TRICOT. SN EDGESTITCH
AROUND WELT.
POCKET BAG: MOCK SAFETY SERGE, 512, PALM SIDE: SELF /
KNUCKLE SIDE: JERSEY
POCKET BAG SEWN INTO WAISTBAND AND SIDE SEAM BARTACK
TOP AND BOTTOM POCKET OPENING

Túi hông:

Coi túi: keo tricot, Điều mí 1K xung quanh coi túi

Bao túi: Vắt sổ 2K4C, bao túi có 2 loại vải

- Mặt bao sát thân trước: Vải single

- Mặt bao còn lại : Vải chính

Bao túi may vào lưng

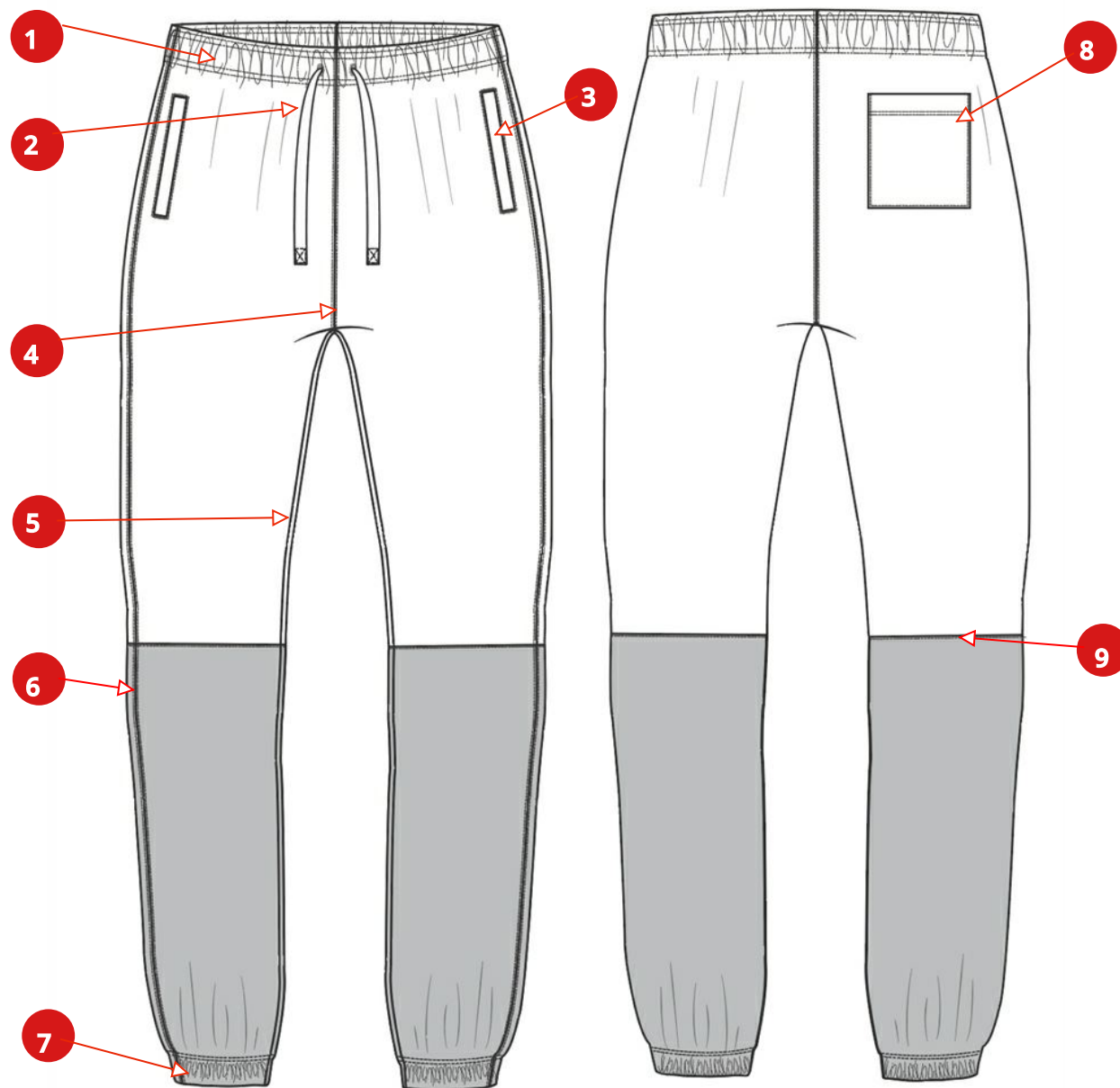
Miệng túi: Đóng bọ ở cạnh trên và dưới

- 4 FRONT/ BACK RISES:
JOIN WITH #512 MOCK SAFETY STITCH. 2N COVERSTITCH
STRADDLING SEAM, , 1/4" SPACING.

Đáy trước/ sau

Vắt sổ và điều rẻ 2K 1/4"

QUY CÁCH MAY



Comments

- 5 INSEAM
JOIN WITH #512 MOCK SAFETY STITCH.

Sườn trong: Vắt sổ 2K4C

- 6 OUTSEAM
JOIN WITH #512 MOCK SAFETY STITCH. 2N COVERSTITCH
STRADDLING SEAM, , 1/4" SPACING

Sườn ngoài: Vắt sổ 2K4C và điều rẽ 2K cũ 1/4"

- 7 LEG OPENINGS
NYLON AND SELF TURN ENCASED ELASTIC
MOCK SAFETY SERGE, 512 TO CATCH ELASTIC AT HEM
EDGE/ TOPSTITCH: 2N COVERSTITCH, 1/4" SPACING.

Cửa chân

Gấp 2 lớp vải chính và phối , vắt sổ cặp với dây thun sau
đó điều 2K 1/4

- 8 BACK POCKET
SELF PATCH POCKET. TOP EDGE FOLDED IN TO FORM
HEM, 2N COVERSTITCH, 1/4" SPACING
SIDES AND BOTTOM EDGES TURNED IN. JOIN TO BODY
WITH 2N COVERSTITCH STRADDLING SEAM, 1/4" SPACING

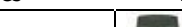
Túi sau:

Túi đắp, gấp miệng túi và điều 2k 1/4
Các cạnh còn lại gấp vào trong và tra vào thân bằng đường
điều rẽ 2K 1/4"

- 9 LEG NYLON OVERLAY
NYLON panel set on top of SELF. Top edge of NYLON turned in,
SN EDGE TOPSTITCH to leg panel. Bottom edge and sides of
panel finished into seams. Bottom edge finished into elastic
casing.

Vải phối ống quần dưới:

Vải phối nylon may chồng lên ở mặt ngoài vải nỉ (không
may nối). Cạnh trên gấp vào trong và điều mí 1K vào thân.
Cạnh dưới và bên miếng phối may cặp vào vải chính.
Lai bọc thun được may sạch.

Measurement - Sweatpant				All Measurements are in Inches		Version 1	
	Article Code	C-0325-KB-6196		UA BRUSHED FLEECE 100% COTTON 350GSM (FB-K1191) PIGMENT DYE ACID WASH	Product Group	BOTTOM	
	Article Name	OVO X ALPHA INDUSTRIES GD PANT			Product Sub-	PANT - SWEATPANT	
	Created On	10/23/24 10:19:07 AM	Material Description		Season	2025 Fall	
	Last Modified	12/05/24 8:54:48 AM			Life Cycle Stage	Development	

BẢNG THÔNG SỐ													
POM	Description		+ Tol	- Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
! J101	Waist measurement relaxed :: 1/2 body	Ngang lưng - đo thường	1/2	1/2	NA	12 1/2	13 1/2	14 1/2	15 1/2	16 1/2	18	19 1/2	21
! J104	WB height	Cao bản lưng	1/8	1/8	NA	1 3/4	1 3/4	1 3/4	1 3/4	1 3/4	1 3/4	1 3/4	1 3/4
J502	Dawcord buttonhole distance	Khoảng cách giữa lỗ khuy luồn dây	1/8	1/8	NA	2	2	2	2	2	2	2	2
! K101	Hip at 1" below WB seam: waist pattern mmt.	Ngang hông dưới đường may lưng 1": đo trên rập	1/2	1/2	NA	17 1/2	18 1/2	19 1/2	20 1/2	21 1/2	23	24 1/2	26
! K102	Full Hip: 3" above crotch point, 3 xpt. Measure	Ngang hông trên dây 3", đo 3 điểm	1/2	1/2	NA	19 1/2	20 1/2	21 1/2	22 1/2	23 1/2	25	26 1/2	28
M101	Thigh :: 1" below crotch seam	Ngang đùi - 1" dưới đường may đáy	1/4	1/4	NA	11 3/8	12	12 5/8	13 1/4	13 7/8	14 3/4	15 5/8	16 1/2
M106	Knee position from crotch pt @ inseam	Vị trí gối từ dây đo ở sườn trong	1/4	1/4	NA	11 3/4	11 3/4	12	12	12	12 1/4	12 1/4	12 1/4
M103	Knee Width	Ngang gối	1/4	1/4	NA	9 5/8	10	10 3/8	10 3/4	11 1/8	11 5/8	12 1/8	12 5/8
B502	Knee panel pos. fr WB edge: along outseam	Vị trí phối vải từ mép lưng quần: đo dọc sườn	1/8	1/8	NA	18 3/4	19	19 1/4	19 1/2	19 3/4	20 1/4	20 1/2	20 3/4
! I101	Inseam length :: long pant	Sườn trong	1/2	1/2	NA	29	29	29 1/2	29 1/2	29 1/2	30	30	30
! M202	Leg opening: Long, 1" above casing / rib seam	Cửa chân : 1" trên đường may rib	1/8	1/8	NA	7 1/4	7 1/2	7 3/4	8	8 1/4	8 1/2	8 3/4	9
! M201	Leg opening: Long, inside fold edges of opening	Cửa chân: Đo tại mép bo	1/8	1/8	NA	5	5 1/4	5 1/2	5 3/4	6	6 1/4	6 1/2	6 3/4
I702	Leg cuff height	Cao bo chân	1/8	1/8	NA	1	1	1	1	1	1	1	1
! L103	Front rise :: Incl WB	Đáy trước - bao gồm lưng quần	1/4	1/4	NA	13 1/4	13 1/2	13 3/4	14	14 1/4	14 1/2	14 3/4	15
! L203	Back rise :: Incl WB	Đáy sau - bao gồm lưng quần	1/4	1/4	NA	15 3/4	16	16 1/4	16 1/2	16 3/4	17	17 1/4	17 1/2
C202	Side seam forward position, fr fold	Vị trí sườn quần ở thân trước - so với vị trí sườn	1/8	1/8	NA	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2
! N201	Welt pocket length	Dài túi cơi	1/4	1/4	NA	6	6 1/4	6 1/4	6 1/2	6 1/2	6 3/4	7	7
! N202	Welt pocket width	To bằng túi cơi	1/8	1/8	NA	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4
N205	Welt pocket position from Rib/Band seam	Vị trí túi cơi từ đường may lưng	1/8	1/8	NA	7/8	1	1 1/8	1 1/4	1 3/8	1 1/2	1 5/8	1 3/4
N207	Welt pocket position from side seam :: top corner	Vị trí túi cơi từ đường sườn: Góc trên	1/4	1/4	1/8	7/8	1	1 1/8	1 1/4	1 3/8	1 1/2	1 5/8	1 3/4
N208	Welt pocket position from side seam:bottom corner	Vị trí túi cơi từ đường sườn: Góc dưới	1/4	1/4	1/8	5/8	3/4	7/8	1	1 1/8	1 1/4	1 3/8	1 1/2
N211	Front pocket bag height :: at center	Bao túi trước: đo ở giữa	1/4	1/4	NA	11	11	11 1/2	11 1/2	11 1/2	11 1/2	11 1/2	11 1/2
N212	Front pocket bag width:: at widest pt.	Ngang túi trước: đo ở điểm rộng nhất	1/4	1/4	NA	6 1/4	6 1/2	6 1/2	6 3/4	6 3/4	7	7 1/4	7 1/4
N601C	Back pocket height at center	Cao túi sau đo ở giữa	1/8	1/8	NA	5 1/4	5 1/2	5 1/2	5 3/4	0	6	6 1/4	6 1/4
! N701	Back pocket width at top edge	Ngang túi sau đo ở cạnh trên	1/8	1/8	NA	4 1/2	4 3/4	4 3/4	5	0	5 1/4	5 1/2	5 1/2
N703	Back pocket from WB seam	Vị trí túi sau từ đường may lưng	1/8	1/8	NA	1 5/8	1 3/4	1 7/8	2	2 1/8	2 1/4	2 3/8	2 1/2
N508	Back pocket position from CB seam	Vị trí túi sau từ đường may đáy sau	1/8	1/8	NA	2 1/8	2 1/4	2 3/8	2 1/2	2 5/8	2 3/4	2 7/8	3
! J501	Drawcord length : waist	Dài dây luồn	1	1	NA	50	50	50	50	56	56	56	56